



bào fēng yǔ
暴风雨

noun · rainstorm

Example Sentences

bào fēng yǔ zhèng zài bī jìn chéng shì
暴风雨正在逼近城市。

The storm is approaching the city.

tā zài lǚ tú zhōng zāo yù le bào fēng yǔ
他在旅途中遭遇了暴风雨。

He encountered a storm during his journey.

bào fēng yǔ pò huài le dào lù
暴风雨破坏了道路。

The storm damaged the road.

Trace each character, then write the word on your own.

暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴
暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴				
风	风	风	风	风	风	风				
雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨